

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 26/3/2021.  
V/v Ly hôn;

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC**  
*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng**;  
Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thị Liên**, Ông **Bùi Văn Thi**;  
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng** – Thư ký Tòa án;  
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thu Hiền** -Kiểm sát viên;

Ngày 26/3/2021, tại trụ sở Tòa án huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự - Hôn nhân gia đình: Ly hôn thụ lý số 08/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/02/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 09/3/2021 giữa các đương sự sau:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thị Ch**, sinh năm 1992;

ĐKKHKT: Xóm T, xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;

**2. Bị đơn:** Anh **Bùi Văn L**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Xóm T, xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;

**3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:**

Ông **Bùi Văn D**, sinh năm 1963 và Đại diện theo ủy quyền của ông D: Bà **Bùi Thị D**, sinh năm 1965 (Vợ ông D).

Địa chỉ: Xóm T, xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*{1} Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, Nguyên đơn chị Bùi Thị Ch cho rằng:*

\*Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ch và anh Bùi Văn L là vợ chồng; anh chị quen nhau, có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục; Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình vào ngày 14/02/2015. Quá trình từ khi chung sống vợ chồng hạnh phúc bình thường được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng xa cách, tình cảm nhạt phai, anh L không chịu làm ăn, không quan tâm, chăm sóc gia đình vợ con mà thờ ơ bỏ mặc. Không những thế anh còn khoe khoang có quan hệ với người khác và khi chị biết thông tin hỏi anh để làm rõ thì anh L chửi bới, gây gổ với chị và gia đình; Chị đã khuyên giải nhiều nhưng anh L thể hiện sự thách thức. Mâu thuẫn không được giải quyết càng ngày càng trầm trọng, không hòa giải được. Anh L đã bỏ đi, vợ chồng sống ly thân kéo dài và cả hai

đều không còn quan tâm đến nhau. Thấy tình cảm vợ chồng đã hết do vậy chị Ch làm đơn xin được ly hôn.

\*Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Đăng Kh, sinh ngày 28/3/2016. Khi ly hôn chị Ch xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không đề nghị anh L phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung.

\*Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Ch cho rằng vợ chồng không có gì.

\*Về án phí: Chị Ch tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

{2}Bị đơn anh Bùi Văn L cho rằng: Trong suốt quá trình cho tự khai, giao nộp, tiếp cận, cung cấp công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn anh Bùi Văn L đưa ra quan điểm: Anh lấy chị Ch và về nhà chị Ch tại xóm T, xã Ng ở rể. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc; Vì ở nhà không có thu nhập, anh phải đi làm ăn xa nhà, đi làm thuê nên vợ chồng ít có điều kiện gần gũi và chăm sóc nhau. Anh cũng ít khi có điều kiện về thăm nhà nên không có thời gian chăm lo cho vợ con. Thỉnh thoảng anh có về nhà và mỗi lần về anh lại đưa tiền cho bố mẹ vợ để chăm lo cho gia đình vợ con. Tính tổng cộng, mấy năm anh đi làm thuê xa nhà anh có đưa cho bố mẹ vợ giữ trên 70.000.000đ. Vì anh đi làm rể nên nếu chị Ch xin ly hôn anh, anh không còn nhà cửa, vốn liếng nên anh yêu cầu chị Ch và bố mẹ vợ phải trả anh đủ số tiền anh đã đưa là 70.000.00đ thì anh mới đồng ý ký đơn ly hôn. Anh cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, khả năng quay lại đoàn tụ rất khó nhưng nếu nhà ngoại trả tiền cho anh thì anh cũng chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị Ch.

Về con chung: Đúng như ý kiến chị Ch đưa ra, anh sẽ đồng ý cho chị Ch nuôi con với điều kiện chị Ch không được yêu cầu anh đóng góp cấp dưỡng nuôi con, anh cũng sẽ đồng ý ngay.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

\*Về án phí: Chị Ch tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

{3}Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn D và bà Bùi Thị D cho rằng:

Chị Ch là con đẻ và anh L là con rể của ông bà. Vì gia đình không có con trai nên khi anh L xin xây dựng gia đình với chị Ch, ông bà muốn anh L đến ở rể và khi anh L đồng ý đến ở rể thì và ông bà coi con rể cũng như con đẻ của mình vậy. Ông bà luôn vun đắp cho tình cảm của con cái và bù đắp cho vợ chồng Ch L những gì có thể trong khả năng của mình. Dù anh L đi làm ăn xa nhà lâu không về được, ông bà cũng luôn động viên giúp đỡ đôi trẻ và con cháu không hề kêu ca phàn nàn. Từ khi anh L đi làm hàng năm mới về nhà, có năm đưa cho bố mẹ vợ tiền để ông bà lo cho vợ con anh ở nhà, có năm không đưa nhưng ông bà cũng không đòi hỏi gì. Tổng các lần đưa được khoảng 25.000.000 đ, bởi ông bà không đòi hỏi gì nên những lần đưa ông bà cũng không ghi chép lại, sau khi đưa thì khi anh L đi lại lấy đi đôi ba triệu, ông bà cũng vẫn đưa để anh L có kinh phí đi đường. Tuy nhiên anh L khai tổng những lần đưa là trên 70.000.000 đ nhưng anh chỉ đòi 70.000.000 đ là không đúng. Quá trình làm rể ở nhà ông bà anh L chỉ đưa được khoảng 25.000.000 đ và đi làm đổi công dựng nhà cho ông bà được khoảng 05 ngày công. Mặc dù ông bà đã chi phí cho vợ chồng và con của anh chị rất nhiều nhưng nếu anh L đòi phần tiền đã đưa thì ông bà cũng sẵn sàng vay mượn trả cho anh L, chị Ch 25.000.000đ.

**Tại phiên tòa,** Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu, không thay đổi, bổ sung hoặc rút một phần đơn khởi kiện. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện Kiểm sát cho rằng:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được tạo điều kiện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Không có kiến nghị gì.

Về nội dung: Chị Ch và anh L đã không còn cơ hội đoàn tụ để có một cuộc sống hạnh phúc như bao người khác. Bởi anh L luôn đi làm ăn vắng nhà, tình cảm vợ chồng xa cách; Anh L thường xuyên không quan tâm chăm sóc vợ con đồng thời anh chị không có động thái hay biện pháp nào để giúp cải thiện tình trạng vợ chồng; cả hai thờ ơ, bỏ mặc và thiếu quan tâm đến nhau cũng như đời sống tình cảm của phía bên kia. Tình cảm vợ chồng dần xa cách đến không còn cơ hội cứu vãn. Xét tình trạng vợ chồng chị Ch và anh L đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn nên đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Ch ly hôn với anh L, Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Đăng Kh, sinh ngày 28/3/2016. Khi ly hôn chị Ch xin được nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu anh L phải có trách nhiệm đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung, cần ghi nhận sự tự nguyện này;

Tài sản chung: Vì vợ chồng sống chung cùng ông bà ngoại nên chưa làm được gì riêng; Anh L khai có đưa cho bố mẹ vợ 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*). nhưng nếu vợ chồng ly hôn anh đề nghị chị Ch và ông D, bà D trả cho anh toàn bộ số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*). Song, ông D, bà D không thừa nhận anh L có gửi số tiền này mà chỉ thừa nhận số tiền anh L đưa khoảng 25.000.000đ (*Hai mươi năm triệu đồng*) và ông bà chấp nhận trả số tiền này cho vợ chồng Ch L. Tuy nhiên theo đề nghị của chị Ch phải xác định đây là tài sản chung của vợ chồng và chia cho chị theo pháp luật. Công nợ chung: Không có; án phí chấp nhận sự tự nguyện của chị Ch tự chịu toàn bộ án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được, thấy rằng:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ch và anh Bùi Văn L là vợ chồng hợp pháp, ngày 14/02/2015 anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn không được giải quyết bởi thế cứ kéo dài; những điều hai vợ chồng không vừa ý với nhau nhưng cả hai đều không nói ra, không chia sẻ, góp ý để bên kia rút kinh nghiệm mà cả hai đều ghi nhớ, tích lại, cả hai đều để bụng khiến tình trạng vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã không còn quan tâm đến nhau, anh L đi làm xa nhà thường xuyên, không có sự quan tâm chăm sóc vợ con; cuộc sống chung thực tế không còn tồn tại, tình cảm vợ chồng không còn chị Ch làm đơn xin được ly hôn. Anh Bùi Văn L đã thiếu quan tâm đến gia đình mà buông xuôi, bỏ mặc; đồng

thời không đưa ra được giải pháp cải thiện tình trạng gia đình. Thấy tình cảm vợ chồng đã hết bởi vậy anh cũng đồng ý ly hôn.

Xét tình trạng vợ chồng Bùi Thị Ch và anh Bùi Văn L đã trầm trọng; cuộc sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ch: Cho chị Bùi Thị Ch được ly hôn anh Bùi Văn L là phù hợp và có căn cứ.

2. Về con chung: Các đương sự có 01 con chung là Bùi Đăng Kh, sinh ngày 28/3/2016. Công nhận thỏa thuận: Giao cháu Bùi Đăng Kh cho chị Bùi Thị Ch trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ch không yêu cầu anh Bùi Văn L đóng góp cấp dưỡng nuôi chung. Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật là thỏa đáng.

3. Về tài sản chung: Xác định vợ chồng Ch L không có tài sản chung nào khác do đang ở chung với bố mẹ vợ, ngoài số tiền anh Bùi Văn L khai nhận có đưa cho ông D bà D 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*). Song ông D bà D không thừa nhận mà chỉ thừa nhận có khoảng 25.000.000đ (*Hai mươi năm triệu đồng*), ông bà đồng ý trả số tiền này cho vợ chồng Ch L. Dù anh Bùi Văn L có đưa ra ý kiến có gửi số tiền nhiều hơn nhưng không có căn cứ nào chứng minh nên không thể chấp nhận mà chỉ có căn cứ chấp nhận số tiền ông bà D D thừa nhận là có căn cứ; Số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi năm triệu đồng*) do anh Bùi Văn L làm ra song phải xác định đây là tài sản chung của vợ chồng Ch L và chia cho cả chị Ch và anh L là thỏa đáng.

4. Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn. Sự tự nguyện phù hợp pháp luật, được chấp nhận. Nguyên đơn và Bị đơn còn phải chịu án phí DSST trên phần tài sản chung được hưởng.

Bởi vậy;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nay tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Ch ly hôn với anh Bùi Văn L;

2. Về con chung: Các đương sự có 01 con chung là Bùi Đăng Kh, sinh ngày 28/3/2016.

Giao cháu Bùi Đăng Kh cho chị Bùi Thị Ch trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị Ch chưa yêu cầu anh Bùi Văn L đóng góp cấp dưỡng nuôi chung.

Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận anh Bùi Văn L và chị Bùi Thị Ch có 25.000.000 đ (*Hai mươi năm triệu đồng*) tiền chung do ông Bùi Văn D và bà Bùi Thị D trả.

Chia cho anh Bùi Văn L 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*) và chia cho chị Bùi Thị Ch 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Ch phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 625.000đ (*Sáu trăm hai mươi năm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; đối trừ vào 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, theo biên lai thu tiền ký hiệu AA/2017 số

0005062 ngày 18/02/2021, nay còn phải nộp thêm 625.000đ (*Sáu trăm hai mươi năm ngàn đồng*).

Anh Bùi Văn L phải chịu 625.000đ (*Sáu trăm hai mươi năm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm .

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc, T. Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc, T. Hòa Bình;
- UBND phường, xã nơi DS cư trú;
- UBND xã Ng, H. Tân Lạc;
- Đương sự;
- Lưu HS + VT + LT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa***  
**( Đã ký )**

***Bùi Đình Dũng***